

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21 /2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25-03-2026

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hải Nam và ông Võ Văn Chí;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thom - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Mận, Kiểm sát viên,

Trong ngày 25 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 2004, Căn cước công dân số: 044304000282, cấp ngày 16/9/2021; Nơi đăng ký HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị; Địa chỉ cư trú hiện nay: R tầng 1-5, số A, khu D, đường trung tâm, quận T, thành phố T, Đài Loan, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Lê Xuân N, sinh năm 1995, căn cước công dân số: 044095006152, cấp ngày 05/01/2023; địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu P trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 24/11/2025 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh N tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 24/11/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì đến tháng 7 năm 2024 chị P xuất cảnh sang Đài Loan vì điều kiện kinh tế của gia đình. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc, quan tâm đến nhau nhưng sau đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên không còn liên lạc gì. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không đồng điệu về suy nghĩ, khoảng cách về địa lý khiến cho vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, sút mẻ tình cảm. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn nhưng không mang lại kết quả gì. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Xuân N.

Về con chung: Vợ chồng chị P, anh N không có con chung trong thời kỳ hôn nhân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án: Chị Phương trình B hiện nay chị đang làm việc tại Đài Loan, do khó khăn về điều kiện kinh tế và xa cách về khoảng cách địa lý nên chị không thể sắp xếp được thời gian để đến Tòa theo Giấy triệu tập. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

**Bị đơn anh Lê Xuân N tại bản tự khai ngày 15/12/2025 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/12/2025 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngọc nhất trí như nội dung trình bày của chị P về việc yêu nhau, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn của vợ chồng. Nhận thấy vợ chồng sống ly thân đã lâu (từ tháng 7/2024 cho đến nay) vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P xin ly hôn, anh N cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung trong thời kỳ hôn nhân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu P và anh Lê Xuân N là hợp pháp. Vợ chồng kết hôn nhưng chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian, đến tháng 7 năm 2024 chị P xuất cảnh sang Đài Loan để lao động thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải để hàn gắn nhưng không mang lại kết quả gì. Xét thấy, vợ chồng không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu P là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị P. Về án phí và các chi phí tố tụng khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Quảng Trị nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu P vắng mặt có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1

Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thu P và anh Lê Xuân N đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 24/11/2023 nên hôn nhân của chị P, anh N là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Về đời sống hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là sau khi chị P xuất cảnh sang Đài Loan, vợ chồng bắt đầu bất đồng về quan điểm sống, không đồng điệu về suy nghĩ, khoảng cách về địa lý khiến cho vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn nhưng không mang lại kết quả gì. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau.

Qua xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là sau khi chị P xuất cảnh sang Đài Loan, vợ chồng bắt đầu bất đồng về quan điểm sống, không đồng điệu về suy nghĩ, khoảng cách về địa lý khiến cho vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn nhưng không mang lại kết quả gì. Hôn nhân giữa chị P và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thu P và anh Lê Xuân N đều thừa nhận không có con chung trong thời kỳ hôn nhân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu P và anh Lê Xuân N đều thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu P và anh Lê Xuân N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu P và anh Lê Xuân N.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thu P và anh Lê Xuân N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thu P và anh Lê Xuân N mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu P đã nộp đủ án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Quảng Trị theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E, số 0001811 ngày 17/11/2025. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu P 225.000 đồng. Anh Lê Xuân N phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV4 - Quảng Trị;
- Phòng THADS KV4 - Quảng Trị;
- UBND xã Trường Ninh (để ghi vào sổ Hộ tịch, ĐKKH ngày 24/11/2023);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Mạnh Cường